

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ANH S
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26 – 01 – 2024 V/v Ly
hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ANH S – TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phan Hồng Lợi.

*Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Quang Tân;
2. Bà Trần Hải Yến;*

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Anh S – tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Anh S, tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Anh S, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 148/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2023 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2024/QĐXX-ST ngày 10 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Phan B S, sinh năm 1971.

Nơi đăng ký NKTT: Thôn Vĩnh Tiến, xã Vĩnh S, huyện Anh S, tỉnh Nghệ An.

Nơi cư trú hiện nay: Số nhà 373/37, tổ 4, khu phố 4, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Chị Nguyễn T H, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Thôn Vĩnh Tiến, xã Vĩnh S, huyện Anh S, tỉnh Nghệ An. Hiện đang chấp hành án hình phạt tù tại phân trại K1 – Trại giam số 6 – Cục C10 – Bộ Công An, xã Thanh Đức, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện (đơn xin ly hôn) ngày 08/02/2023, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Phan B S trình bày: anh và bị đơn chị Nguyễn T H kết hôn với nhau vào năm 1992 tại UBND xã Vĩnh S, huyện Anh S, tỉnh Nghệ An. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không có sự ép buộc, không vi phạm quy định về điều kiện và thủ tục kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc cho đến đầu năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã xúc phạm lẫn nhau. Nguyên nhân do quan điểm, tính cách không phù hợp, trong cuộc sống vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Việc mâu thuẫn của vợ chồng anh đã được hai bên gia đình nội ngoại và chính quyền địa phương hòa giải nhiều lần, nhưng sau mỗi lần hòa giải tình cảm vẫn không được cải thiện mà ngày càng trầm trọng. Vì vậy mà từ năm 2013 cho đến nay vợ chồng anh không còn sống chung với nhau nữa. Anh thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn T H.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh có 02 người con chung tên là Phan Thị Yến, sinh ngày 02/4/1993 và Phan Thị Thùy, sinh ngày 24/9/1995. Hiện nay cả hai con đã đủ tuổi trưởng thành, đã lập gia đình riêng nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng anh thỏa thuận tự chia, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Hiện nay vợ chồng anh không vay nợ cá nhân, cơ quan tổ chức nào cũng như không cho ai vay nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Chị Nguyễn Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị thống nhất với anh S về thời gian, điều kiện, nơi đăng ký kết hôn, quá trình chung sống, tình trạng hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn đúng như anh S đã trình bày. Vì vậy mà hiện nay vợ chồng chị không còn sống chung với nhau nữa. Chị thấy tình cảm vợ chồng cũng không còn nên anh S yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn chị cũng đồng ý.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh có 02 người con chung tên là Phan Thị Yến, sinh ngày 02/4/1993 và Phan Thị Thùy, sinh ngày 24/9/1995. Hiện nay cả hai con đã đủ tuổi trưởng thành, đã lập gia đình riêng nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị và anh Phan B S thỏa thuận tự chia không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Hiện nay vợ chồng chị không vay nợ cá nhân, cơ quan tổ chức nào cũng như không cho ai vay nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Anh S phát biểu ý kiến theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự như sau:

- Về tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phan B S, buộc anh Phan B S và chị Nguyễn T H chấm dứt quan hệ vợ chồng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật; Về con: vợ chồng anh S chị H có 02 người con chung tên là Phan Thị Yến, sinh ngày 02/4/1993 và Phan Thị Thùy, sinh ngày 24/9/1995. Hiện nay cả hai con đã đủ tuổi trưởng thành, đã lập gia đình riêng nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản: anh S và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét; Về án phí: buộc anh S phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ án hôn nhân gia đình về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn: bị đơn hiện cư trú tại thôn Vĩnh Tiến, xã Vĩnh S, huyện Anh S nên Tòa án nhân dân huyện Anh S, tỉnh Nghệ An thụ lý giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Do bị đơn hiện đang chấp hành án tại trại giam số 6 – Cục C10 – Bộ Công An nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự đồng thời Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản khác của Tòa án cho chị H theo quy định của pháp luật mà không thể triệu tập chị H đến Tòa án được. Tại phiên tòa anh Phan B S có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 và 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét anh Phan B S và chị Nguyễn T H đăng ký kết hôn vào năm 1992 tại UBND xã Vĩnh S, huyện Anh S, tỉnh Nghệ An. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không có sự ép buộc, không vi phạm các quy định về điều kiện và

thủ tục kết hôn tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa anh S và chị H là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc cho đến đầu năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm, tính cách không phù hợp dẫn đến cuộc sống vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Vì vậy mà từ cuối năm 2013 cho đến nay hai vợ chồng không còn sống chung với nhau nữa. Như vậy, anh S và chị H đã vi phạm quy định về tình nghĩa vợ chồng, không sống chung với nhau mà không có lý do chính đáng.

Xét thấy, giữa anh S và chị H mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình 2014, xử cho anh S được ly hôn với chị H.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh có 02 người con chung tên là Phan Thị Yến, sinh ngày 02/4/1993 và Phan Thị Thùy, sinh ngày 24/9/1995. Hiện nay cả hai con đã đủ tuổi trưởng thành, đã lập gia đình riêng nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Do các đương sự đã tự thỏa thuận với nhau và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên căn cứ vào khoản 1 Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Anh Phan B S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 53, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 và Điều 227, 228, 238 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận cho anh Phan B S được ly hôn chị Nguyễn T H.

- Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc anh Phan B S phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh S đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Anh S, tỉnh Nghệ An theo biên lai thu tiền số 0007780 ngày 06 tháng 12 năm 2023.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H. Anh S;
- Chi cục THADS H. Anh S;
- UBND xã Vĩnh S;
- Lưu Hồ sơ, VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phan Hồng Lợi

